

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47
Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC
SOÁT XÉT**

CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

kèm theo

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Được soát xét bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

Số: 3 ngõ 1295 đường Giải Phóng - Hoàng Mai - Hà Nội

Điện thoại: 043 974 50 81/82 Fax: 043 974 50 83

Hà Nội, tháng 8 năm 2015

MỤC LỤC

NỘI DUNG	Trang số
Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	02 - 04
Báo cáo kết quả công tác soát xét	05
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2015	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất 06 tháng đầu năm 2015	8
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 06 tháng đầu năm 2015	9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2015	10 - 31
Phụ lục 01 - Tình hình tăng giảm tài sản cố định	32
Phụ lục 02 - Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu	33
Phụ lục 03 - Vay ngắn hạn ngân hàng	34 - 35
Phụ lục 04 - Vay dài hạn ngân hàng	36

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Xây dựng 47 gọi tắt là 'Công ty' đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất đã được soát xét cho giai đoạn hoạt động từ ngày 01/01/2015 đến 30/06/2015.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc tại thời điểm lập Báo cáo tài chính gồm có:

Hội đồng quản trị:

- | | |
|------------------------|-------------------|
| • Ông Nguyễn Lương Am | Chủ tịch HĐQT |
| • Ông Đinh Tấn Dương | Phó Chủ tịch HĐQT |
| • Ông Dương Minh Quang | Ủy viên |
| • Ông Phạm Văn Nho | Ủy viên |
| • Ông Đặng Ngọc Căn | Ủy viên |
| • Ông Phùng Văn Viễn | Ủy viên |

Ban Tổng Giám đốc:

- | | |
|------------------------|-------------------|
| • Ông Nguyễn Lương Am | Tổng Giám đốc |
| • Ông Vũ Xuân Chính | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Nguyễn Văn Tôn | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Đinh Tấn Dương | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Huỳnh Khế | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Dương Minh Quang | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Phan Thanh Lân | Phó Tổng Giám đốc |
| • Ông Phạm Văn Nho | Kế toán trưởng |

Kiểm toán viên độc lập

Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2015 của Công ty Cổ phần Xây dựng 47 được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI).

Khái quát về công ty

Công ty Cổ phần Xây dựng 47, gọi tắt là "Công ty", tiền thân là Công ty Xây dựng 47 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số: 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc chuyển Công ty Xây dựng 47 thành Công ty Cổ phần Xây dựng 47. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 27 tháng 06 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 15 vào ngày 21/5/2015 với số mới là 4100258747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **120.000.000.000 đồng**

(**Bằng chữ: Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn.**)

Lĩnh vực kinh doanh: Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, công nghiệp, dân dụng; Khai thác, vận chuyển vật liệu xây dựng; Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu; Đại tu xe, máy thi công; Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí. Sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu, thuốc lá, dịch vụ massage. Đại lý rượu, bia, nước giải khát; Đại lý dịch vụ internet; Kinh doanh lẻ hàng nội địa và quốc tế; các dịch vụ du lịch khác; Đại lý thu đổi ngoại tệ; Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ; Tổ chức hội nghị hội thảo; Dịch vụ quảng cáo. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; Tư vấn du học. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Cho thuê ô tô; Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển; Hoạt động dạy nghề; Kinh doanh và cho thuê bất động sản; Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

Công ty có trụ sở tại: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

Đến thời điểm 30/06/2015, Công ty có 02 Công ty con:

Các đơn vị thành viên của Công ty như sau:

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Tỷ lệ nắm giữ của Công ty Mẹ</u>
Công ty Cổ phần Du lịch Hâm Hồ	76,35%
Công ty CP thủy điện Văn Phong	57,84%

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại ngày 30/06/2015, kết quả hoạt động kinh doanh **hợp nhất** cho giai đoạn hoạt động kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính **hợp nhất** đính kèm báo cáo này từ trang 06 đến trang 36.

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ và lập Báo cáo tài chính

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, không có sự kiện nào bất thường xảy ra sau ngày 30/06/2015 cho đến thời điểm lập báo cáo này cần thiết phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính **hợp nhất** cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015.

Tại báo cáo này Ban Tổng Giám đốc Công ty xin khẳng định những vấn đề sau đây:

- Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính một cách trung thực và hợp lý;
- Chúng tôi đã cung cấp toàn bộ các tài liệu kế toán cần thiết cho các Kiểm toán viên và chịu trách nhiệm về tính trung thực của các tài liệu đã cung cấp;

- Việc thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và hệ thống kiểm soát nội bộ có hiệu lực, để thực thi công việc quản lý là thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc;
- Tài sản mà Công ty đang nắm giữ là thuộc quyền sở hữu hợp pháp của Công ty và không có bất kỳ một sự kiện nào có thể dẫn tới việc tranh chấp các tài sản mà Tập đoàn đang sử dụng;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch dự tính nào có thể làm sai lệch đáng kể số liệu kế toán hoặc cách phân loại tài sản và khoản nợ đã được phản ánh trong Báo cáo tài chính **hợp nhất**;
- Chúng tôi không có bất kỳ một kế hoạch nào nhằm ngừng sản xuất một loại sản phẩm đang được sản xuất, ngừng xây dựng các công trình đang dở dang cũng không có một kế hoạch hay dự tính nào có thể dẫn đến tình trạng hàng tồn kho ứ đọng hoặc lạc hậu và không có bất kỳ khoản hàng tồn kho nào được hạch toán với giá trị cao hơn giá trị thực hiện thuần;
- Báo cáo tài chính **hợp nhất** đã phản ánh một cách trung thực về tình hình tài sản, công nợ và nguồn vốn chủ sở hữu của Công ty tại ngày 30/06/2015, cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh **hợp nhất** của Công ty cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015;
- Báo cáo tài chính **hợp nhất** đã được lập phù hợp với các Chính sách kế toán đã được trình bày trong bản thuyết minh Báo cáo tài chính và phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và quy định hiện hành về kế toán có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Chúng tôi khẳng định rằng Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch kinh doanh của mình trong các năm tài chính tiếp theo.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47



NGUYỄN LƯƠNG AM

Tổng Giám đốc

Quy Nhơn, ngày 10 tháng 8 năm 2015



CÔNG TY KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI

THÀNH VIÊN HÃNG KIỂM TOÁN ALLIANCE OF INTER-CONTINENTAL ACCOUNTANTS

Trụ sở chính: Số 3, ngõ 1295, đường Giải Phóng, P. Hoàng Liệt, Q. Hoàng Mai, TP. Hà Nội

ĐT: (84) 4 3974 5080/81/82

Fax: (84) 4 3974 5083

Email: cpahanoi@fpt.vn

Website: www.cpahanoi.com



Hà Nội, ngày 14 tháng 08 năm 2015

Số: 106 /CPAHANOI-BCSX

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

VỀ BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47
cho giai đoạn hoạt động từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Xây dựng 47

Chúng tôi, Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội (CPA HANOI) đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng đầu năm 2015 của Công ty cổ phần Xây dựng 47 bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30/06/2015, Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán kết thúc ngày 30/06/2015 như đã trình bày từ trang 06 đến trang 36.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công tác soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính hợp nhất không chứa đựng những sai sót trọng yếu. Công tác soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công tác này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công tác kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Trên cơ sở công tác soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu phù hợp với Chuẩn mực kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo này được lập thành 05 bản, các bản có giá trị ngang nhau, Công ty cổ phần xây dựng 47 giữ 04 bản, Công ty TNHH Kiểm toán và kế toán Hà Nội giữ 01 bản.

Kiểm toán viên

Lê Văn Dò

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Số: 0231-2013-016-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ KẾ TOÁN HÀ NỘI



Tổng Giám đốc

Nguyễn Ngọc Tĩnh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

Số: 0132-2013-016-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
I	2	3	4	5	6
A	TÀI SẢN NGẮN HẠN (100=110+120+130+140+150)	100		1.421.932.309.577	1.491.649.193.813
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	20.047.004.690	112.523.964.469
1	Tiền	111		20.047.004.690	74.523.964.469
2	Các khoản tương đương tiền	112		-	38.000.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		381.876.126.508	398.826.935.877
1	Phải thu ngắn hạn khách hàng	131	V.02.1	276.318.343.421	263.362.877.178
2	Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.03	80.578.427.550	114.201.433.448
3	Các khoản phải thu khác	136	V.04	30.569.355.537	26.852.625.251
4	Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	137	V.05	(5.590.000.000)	(5.590.000.000)
IV	Hàng tồn kho	140		994.053.398.029	956.342.452.051
1	Hàng tồn kho	141	V.06	994.053.398.029	956.342.452.051
2	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		25.955.780.350	23.955.841.416
1	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.07	113.313.141	-
2	Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.08	-	16.258.696.053
3	Thuế và các khoản khác phải thu của Nhà nước	153	V.09	38.166.827	890.560.277
4	Tài sản ngắn hạn khác	155	V.10	25.804.300.382	6.806.585.086
B	TÀI SẢN DÀI HẠN (200=210+220+240+250+260)	200		743.562.055.596	678.574.367.779
I	Các khoản phải thu dài hạn	210		232.001.040	232.001.040
1	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.02.2	232.001.040	232.001.040
II	Tài sản cố định	220		584.570.766.822	470.137.044.423
1	Tài sản cố định hữu hình	221	V.11	567.439.035.805	452.975.313.406
	- Nguyên giá	222		1.056.828.503.155	903.401.647.029
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(489.389.467.350)	(450.426.333.623)
2	Tài sản cố định vô hình	227	V.12	17.131.731.017	17.161.731.017
	- Nguyên giá	228		17.803.668.290	17.803.668.290
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(671.937.273)	(641.937.273)
III	Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV	Tài sản dở dang dài hạn	240		116.623.590.625	165.880.738.366
1	Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.13	116.623.590.625	165.880.738.366
V	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		40.000.000.000	40.000.000.000
1	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
2	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.14	40.000.000.000	40.000.000.000
VI	Tài sản dài hạn khác	260		2.135.697.109	2.324.583.950
1	Tài sản dài hạn khác	268	V.15	2.135.697.109	2.324.583.950
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		2.165.494.365.173	2.170.223.561.592

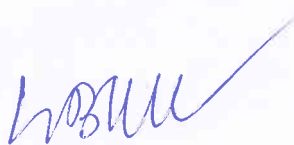
(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 Tại ngày 30 tháng 06 năm 2015

TT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1	2	3	4	5	6
A	NỢ PHẢI TRẢ (300=310+320)	300		1.899.545.247.179	1.946.833.443.067
I	Nợ ngắn hạn	310		1.243.330.731.477	1.291.427.645.719
1	Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.17	320.203.213.247	294.952.277.380
2	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.18	66.776.050.106	253.249.525.598
3	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.19	5.124.857.166	11.041.422
4	Phải trả công nhân viên	314		57.652.713.380	44.746.247.837
5	Các khoản phải trả ngắn hạn khác	319	V.20	40.700.056.672	38.371.274.319
6	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16	752.037.033.973	658.452.049.234
7	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		836.806.933	1.645.229.929
II	Nợ dài hạn	330		656.214.515.702	655.405.797.348
1	Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.21	656.214.515.702	655.405.797.348
B	VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410+420)	400	V.22	265.949.117.994	223.390.118.525
I	Vốn chủ sở hữu	410		265.949.117.994	223.390.118.525
1	Vốn góp của chủ sở hữu	411		120.000.000.000	96.000.000.000
	Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		120.000.000.000	96.000.000.000
	Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2	Thặng dư vốn cổ phần	412		30.190.801.117	23.467.650.000
3	Vốn khác của chủ sở hữu	414		10.449.146.977	10.449.146.977
4	Quỹ đầu tư phát triển	418		37.195.032.674	37.195.032.674
5	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		199.372.611	166.556.608
6	Lợi nhuận chưa phân phối	421		33.681.027.712	21.844.426.947
7	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	429		34.233.736.903	34.267.305.319
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (430=300+400)	440		2.165.494.365.173	2.170.223.561.592

Quy Nhơn, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Người lập



Hồ Đình Phong

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho



Nguyễn Lương Am

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: đồng

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Quý 2		Lũy kế đầu năm đến cuối quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	V.23	285.377.056.679	260.762.897.454	662.875.373.389	488.805.595.064
2	Các khoản giảm trừ	3	V.24	19.798.113	26.352.023	37.171.679	48.117.758
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	V.25	285.357.258.566	260.736.545.431	662.838.201.710	488.757.477.306
4	Giá vốn hàng bán	11	V.26	238.121.860.773	218.472.555.656	575.920.405.347	403.767.713.298
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		47.235.397.793	42.263.989.775	86.917.796.363	84.989.764.008
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.27	3.839.588.769	675.098.021	4.997.130.380	3.002.962.750
7	Chi phí tài chính	22	V.28	30.969.918.452	24.651.704.766	56.358.408.108	52.806.767.342
	Trong đó: Chi phí lãi vay	23		28.294.324.111	24.627.951.486	52.054.111.463	49.518.196.557
8	Chi phí bán hàng	24		-	-	-	-
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	V.29	13.423.098.132	10.065.872.731	21.858.034.816	19.525.951.241
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		6.681.969.978	8.221.510.299	13.698.483.819	15.660.008.175
11	Thu nhập khác	31	V.30	9.796.340	17.690.068	431.877.268	17.690.068
12	Chi phí khác	32	V.31	-	59.690.068	16.168.076	59.690.068
13	Lợi nhuận khác	40		9.796.340	(42.000.000)	415.709.192	(42.000.000)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		6.691.766.318	8.179.510.299	14.114.193.011	15.618.008.175
15	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.32	523.145.321	1.797.122.255	2.147.983.822	3.083.166.468
16	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		6.168.620.997	6.382.388.044	11.966.209.189	12.534.841.707
19	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61		19.766.161	6.916.188	31.979.703	50.323.416
20	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	62		6.148.854.836	6.375.471.856	11.934.229.486	12.484.518.291
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VII.4	769	797	1.031	1.561

Người lập



Hồ Đình Phong

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

Quy Nhơn, ngày 30 tháng 08 năm 2015



(Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 36 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp trực tiếp)

6 tháng đầu năm 2015

Đơn vị tính: đồng

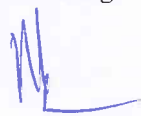
TT	Chỉ tiêu	Mã số	Kỳ này	Kỳ trước
1	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	1	501.739.629.508	628.318.824.344
2	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hoá và dịch vụ	2	(442.833.570.394)	(492.170.470.616)
3	Tiền chi trả cho người lao động	3	(113.467.261.349)	(120.287.635.890)
4	Tiền chi trả lãi vay	4	(56.363.943.896)	(49.518.196.557)
5	Tiền chi nộp thuế	5	(1.266.315)	(4.688.370.085)
6	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	6	104.380.695.586	12.763.779.289
7	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	7	(188.326.712.079)	(19.079.149.098)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(194.872.428.939)	(44.661.218.613)
II	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(27.876.404.691)	(105.458.121.586)
2	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	-	-
3	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	5.149.483.853	3.180.862.953
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(22.726.920.838)	(102.277.258.633)
III	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	30.723.151.117	4.216.000.000
2	Tiền chi trả vốn góp cho các CSH, mua lại CP của doanh nghiệp đó phát hành	32	-	-
3	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	559.989.344.270	461.985.488.007
4	Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(465.590.105.389)	(417.195.531.444)
5	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	125.122.389.998	49.005.956.563
	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)	50	(92.476.959.779)	(97.932.520.683)
	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	112.523.964.469	120.666.617.250
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	874.315
	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)	70	20.047.004.690	22.734.970.882

Người lập



Hồ Đĩnh Phong

Kế toán trưởng



Phạm Văn Nho

Quy Nhơn, ngày 10 tháng 08 năm 2015



Tổng Giám đốc



Lương Am

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

6 tháng đầu năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu

Công ty Cổ phần Xây dựng 47, gọi tắt là 'Công ty', tiền thân là Công ty Xây dựng 47 được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số: 4411/2001/QĐ/BNN-TCCB ngày 08/12/2001 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và phát triển nông thôn về việc chuyển Công ty Xây dựng 47 thành Công ty Cổ phần Xây dựng 47. Công ty được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3503000064 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp ngày 27 tháng 06 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 15 vào ngày 21/5/2015 với số mới là 4100258747 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Định cấp.

Theo đó:

Vốn điều lệ đăng ký của Công ty là: **120.000.000.000** đồng

Bằng chữ: (Một trăm hai mươi tỷ đồng chẵn).

Công ty có trụ sở tại: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định.

2. Lĩnh vực hoạt động của Công ty: Xây dựng, thương mại, dịch vụ

3. Ngành nghề kinh doanh:

Xây dựng các công trình thủy lợi, thủy điện, giao thông, công nghiệp, dân dụng; Khai thác, vận chuyển vật liệu xây dựng; Dịch vụ thí nghiệm kiểm tra độ bền cơ học bê tông kết cấu; Đại tu xe, máy thi công; Sản xuất, phục hồi phụ kiện cơ khí. Sản xuất các sản phẩm cơ khí công trình; Kinh doanh khách sạn, nhà hàng, rượu, thuốc lá, dịch vụ massage. Đại lý rượu, bia, nước giải khát; Đại lý dịch vụ internet; Kinh doanh lữ hành nội địa và quốc tế; các dịch vụ du lịch khác; Đại lý thu đổi ngoại tệ; Mua bán hàng thủ công mỹ nghệ; Tổ chức hội nghị hội thảo; Dịch vụ quảng cáo. Đại lý bán vé máy bay, tàu hỏa; Tư vấn du học. Kinh doanh vận tải hành khách bằng ô tô theo hợp đồng; Cho thuê ô tô; Kinh doanh dịch vụ thể thao, giải trí, trò chơi thể thao trên biển; Hoạt động dạy nghề; Kinh doanh và cho thuê bất động sản; Thi công khoan phụt vữa xử lý nền và thân công trình; Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài.

4. Cấu trúc doanh nghiệp

Danh sách Công ty con tại ngày lập báo cáo:

- Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hồ, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết 76,35%
- Công ty CP thủy điện Văn Phong, tỷ lệ lợi ích và quyền biểu quyết 57,84%

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.
2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam

III. CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN VÀ CHUẨN MỤC KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty Mẹ và các Công ty con áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành kèm theo Thông tư 200/2014/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 22/12/2014.

2. Hình thức sổ kế toán áp dụng:

Công ty Mẹ và các Công ty con ghi sổ kế toán theo hình thức Sổ chứng từ ghi sổ.

3. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán:

Công ty Cổ phần Xây dựng 47 tuyên bố tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam đã ban hành phù hợp với đặc điểm hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

IV. Các Chính sách kế toán áp dụng

Sau đây là các Chính sách kế toán chủ yếu mà Công ty đã áp dụng để ghi sổ và lập Báo cáo tài chính.

1. Ước tính kế toán:

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ hoạt động. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2. Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính:

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty do Công ty Cổ phần Xây dựng 47 kiểm soát (công ty con) được lập cho đến ngày 30 tháng 06 năm 2015. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty Cổ phần Xây dựng 47 có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty Cổ phần Xây dựng 47 và công ty con là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư giữa các công ty trong cùng tập đoàn được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con hợp nhất được xác định là một chỉ tiêu riêng biệt tách khỏi phần vốn chủ sở hữu của cổ đông công ty mẹ. Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông không kiểm soát vượt quá phần vốn của họ trong tổng vốn chủ sở hữu của công ty

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

con được tính giảm vào phần lợi ích của công ty trừ khi cổ đông không kiểm soát có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Trình tự và phương pháp hợp nhất:

Hợp cộng các chỉ tiêu trong Bảng cân đối kế toán và Báo cáo kết quả kinh doanh của công ty mẹ và công ty con;

Loại trừ toàn bộ giá trị ghi sổ khoản đầu tư của công ty mẹ trong từng công ty con và phần vốn của công ty mẹ trong vốn chủ sở hữu của công ty con và ghi nhận lợi thế thương mại (nếu có);

Phân bổ lợi thế thương mại;

Tách và trình bày lợi ích của cổ đông không kiểm soát thành chỉ tiêu riêng biệt;

Loại trừ toàn bộ các giao dịch nội bộ trong toàn Tổng công ty;

Lập bảng tổng hợp các bút toán điều chỉnh và bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất;

Lập Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ vào bảng tổng hợp các chỉ tiêu hợp nhất sau khi đã được điều chỉnh và loại trừ.

Đối với các chỉ tiêu về tài sản, nguồn vốn, doanh thu và chi phí được trình bày như đã trình bày ở báo cáo tài chính riêng của công ty mẹ và công ty con có điều chỉnh những yếu tố sau khi hợp nhất:

Doanh thu, giá vốn, lãi và công nợ nội bộ;

Vốn đầu tư của công ty mẹ tương ứng phần vốn chủ sở hữu công ty con;

Lợi ích cổ đông không kiểm soát;

Các chỉ tiêu khác theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và tương đương tiền:

- *Nguyên tắc xác định các khoản tiền:* Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng. Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

- *Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:* Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

- *Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho:*

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế kh"ng được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm. Các chi phí sản xuất chung được phân bổ trên cơ sở chi phí thực tế phát sinh để sản xuất hàng tồn kho cho từng bộ phận, từng công trình.

Sản phẩm dở dang cuối kỳ được đánh giá theo phương pháp chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp.

- *Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho:* Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

- *Phương pháp hạch toán hàng tồn kho:* Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho cho hầu hết hàng tồn kho, duy nhất áp dụng kiểm kê định kỳ đối với nguyên liệu, công cụ tại bộ phận dịch vụ khách sạn.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác

- Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

- *Lập dự phòng phải thu khó đòi*

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

6. Ghi nhận TSCĐ và khấu hao tài sản cố định

- Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá, trong quá trình sử dụng tài sản cố định được ghi nhận theo ba tiêu thức nguyên giá, hao mòn và giá trị còn lại. Nguyên giá của TSCĐ được xác định là toàn bộ chi phí mà đơn vị đã bỏ ra để có được tài sản đó tính đến thời điểm đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

- *Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:*

Khấu hao TSCĐ hữu hình được thực hiện theo phương pháp đường thẳng, căn cứ theo thời gian sử dụng hữu ích ước tính và nguyên giá của tài sản. Thời gian khấu hao được tính theo thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT - BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính. Mức khấu hao cụ thể như sau:

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Loại TSCĐ	Thời gian sử dụng
- Nhà cửa, vật kiến trúc	20 - 50 năm
- Máy móc thiết bị	08 - 15 năm
- Phương tiện vận tải	06 - 10 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 08 năm
- Phần mềm	03 - 08 năm

7. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính dài hạn của Công ty được ghi nhận theo giá gốc bắt đầu từ ngày góp vốn đầu tư, hoặc ngày mua cổ phiếu, trái phiếu.

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

8. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

- Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc việc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hóa), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được tạm ngừng lại trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất sản phẩm dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết.

- Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ chấm dứt khi hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản dở dang vào sử dụng hoặc bán. Chi phí đi vay phát sinh sau đó sẽ được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ phát sinh.

- Các khoản thu nhập phát sinh do đầu tư tạm thời, các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang thì phải ghi giảm trừ (-) vào chi phí đi vay khi phát sinh vốn hóa.

- Chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ. Các khoản lãi tiền vay và khoản phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội được vốn hóa trong từng kỳ không được vượt quá số lãi vay thực tế phát sinh và số phân bổ chiết khấu hoặc phụ trội trong kỳ đó.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ để đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

10. Ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả nội bộ, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh được phân loại là nợ dài hạn.

11. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ và các nghiệp vụ dự phòng rủi ro hối đoái

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch đánh giá lại của các khoản mục tiền tệ được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

12. Các nghĩa vụ về thuế

Công ty áp dụng Chính sách thuế theo quy định của các Luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

13. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của Chủ sở hữu của Công ty được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Vốn khác của chủ sở hữu là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn giảm các năm trước và khoản khác được hình thành từ lợi nhuận sau thuế và được sử dụng vào việc khen thưởng hoặc các mục đích khác phục vụ công tác điều hành của Ban Giám đốc, Hội đồng quản trị.

14. Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ các quỹ từ lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp sau khi được Hội đồng quản trị phê duyệt được trích các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định pháp lý hiện hành, sẽ phân chia cho các bên dựa trên tỷ lệ vốn góp.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trong Bảng cân đối kế toán của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty.

Các quỹ của Công ty được trích lập theo quyết định tại Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên.

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

- *Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:*

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với doanh thu xây lắp được xác định theo giá trị khối lượng thực hiện, được khách hàng xác nhận bằng nghiệm thu từng lần hoặc theo phiếu giá thanh toán, quyết toán của từng hạng mục công việc hoàn thành hoặc toàn bộ công trình xây lắp, hoá đơn tài chính, phù hợp với quy định tại Chuẩn mực kế toán số 15 - Hợp đồng xây dựng.

- Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối-kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ;
- Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu từ dịch vụ vận tải được xác định theo hợp đồng kinh tế, biên bản xác nhận dịch vụ hoàn thành, phát hành hoá đơn tài chính và được khách hàng chấp nhận thanh toán.

- Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia, chênh lệch tỷ giá thực hiện và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Doanh thu từ đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên cơ sở chênh lệch giữa giá bán và giá mua. Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

16. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hoạt động xây lắp được xác định đối với từng hợp đồng, công trình xây dựng riêng biệt và tương ứng với doanh thu trong kỳ, chi phí của từng hợp đồng, công trình đã được ghi nhận. Cụ thể :

- Đối với các công trình cuối kỳ đã hoàn thành, bàn giao, doanh thu lũy kế đã hạch toán hết theo tổng giá trị nghiệm thu thanh toán thì giá vốn kết chuyển trong kỳ bằng toàn bộ chi phí lũy kế đã được ghi nhận (không còn chi phí dở dang).

- Đối với các công trình cuối kỳ chưa hoàn thành hoặc hoàn thành nhưng chưa có quyết toán, thanh lý hợp đồng thì giá vốn trong kỳ được xác định trên cơ sở chi phí sản xuất kinh doanh dở dang đầu kỳ + chi phí sản xuất kinh doanh dở dang phát sinh trong kỳ - chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ được xác định căn cứ vào biên bản xác nhận dở dang của các đội với phòng kỹ thuật Công ty.

- Giá vốn hàng bán được ghi nhận và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất kho.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí hợp đồng xây dựng, Trích lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp:

Chi phí của hợp đồng xây dựng gồm: Chi phí trực tiếp liên quan đến từng hợp đồng, chi phí chung được phân bổ cho các hợp đồng có liên quan và các chi phí khác có thể thu lại từ khách hàng theo các điều khoản của hợp đồng xây lắp.

- Phương pháp lập chi phí bảo hành: Doanh nghiệp dự kiến mức tổn thất trích bảo hành công trình xây lắp đã tiêu thụ trong năm và tiến hành lập dự phòng bảo hành công trình xây lắp có cam kết bảo hành.

Tổng mức trích lập dự phòng bảo hành của các công trình xây lắp theo quy định đã cam kết với khách hàng chiếm 2% trên tổng giá trị công trình.

18. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí tài chính: Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Các khoản trên được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động phân phối sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ ra thị trường và điều hành sản xuất kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

19. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành: thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả trong năm hiện tại. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có).

Việc xác định chi phí thuế TNDN căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

20. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

(tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Đơn vị tính: đồng)

1. Tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt VND	15.428.036.277	7.384.866.872
Cty CP Xây Dựng 47	15.040.712.421	7.064.437.194
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	77.613.144	154.376.698
Cty CP Thủy điện Văn Phong	309.710.712	166.052.980
Tiền gửi ngân hàng	4.618.968.413	67.139.097.597
Tiền Việt Nam	4.477.591.817	66.997.793.329
Cty CP Xây Dựng 47	2.346.376.269	65.428.608.003
- Ngân hàng BIDV Việt Nam - CN Bình Định	635.212.758	64.087.119.925
- Ngân hàng Vietcombank Quy Nhơn	1.709.213.511	1.339.538.078
- Ngân hàng TMCP Công thương	1.950.000	1.950.000
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	1.400.993.819	1.142.987.269
- Ngân hàng BIDV Việt Nam - CN Bình Định	71.361.408	879.779.092
- Ngân hàng NN PTNT Tây Sơn	1.329.632.411	263.208.177
Cty CP Thủy điện Văn Phong	730.221.729	426.198.057
- Ngân hàng BIDV Việt Nam - CN Bình Định	730.221.729	426.198.057
Ngoại tệ (USD)	141.376.596	141.304.268
Cty CP Xây Dựng 47	141.376.596	141.304.268
- Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (USD)	141.376.596	141.304.268
Cộng	20.047.004.690	74.523.964.469
Các khoản tương đương tiền	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn NH BIDV Việt Nam - CN Bình Định	-	38.000.000.000
Cộng	-	38.000.000.000
2. Các khoản phải thu của khách hàng	Số cuối kỳ	Số đầu năm
2.1. Phải thu khách hàng ngắn hạn	276.318.343.421	263.362.877.178
Công ty cổ phần XD 47	274.760.644.257	263.360.414.178
Văn phòng công ty	268.263.832.346	257.764.165.842
Khách sạn Hải Âu	1.760.253.911	3.212.554.336
Công trường Bình Đê	4.670.188.000	2.317.324.000
Trung tâm dạy nghề	66.370.000	66.370.000
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	65.528.000	2.463.000
Cty CP Thủy điện Văn Phong	1.492.171.164	-
2.2. Phải thu khách hàng dài hạn	232.001.040	232.001.040
Văn phòng công ty	232.001.040	232.001.040
Cộng	276.550.344.461	263.594.878.218

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2015
 (tiếp theo)

3. Trả trước cho người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Cty CP Xây Dựng 47	79.895.945.649	44.680.233.267
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	182.956.401	52.002.500
Cty CP Thủy điện Văn Phong	499.525.500	69.469.197.681
Cộng	80.578.427.550	114.201.433.448
4. Các khoản phải thu khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Cty CP Xây Dựng 47</i>	<i>29.267.379.235</i>	<i>25.596.355.077</i>
Văn phòng công ty	26.240.250.283	24.576.345.697
Công trường Bình Đê	-	48.440.000
Công trường Tân Mỹ	-	551.607.907
Công trường Tà Rục	6.000.000	-
Công trường Tiên Thuận	-	140.776.000
Công trường Sông Chu	552.490.123	279.185.473
Công trường xưởng Phước Thành	2.051.602.000	-
Khách sạn Hải Âu (Dự Nợ TK 338)	105.309.164	-
Công trường Nước Trong	96.652.040	-
Công trường A Roàng	179.051.380	-
Khu du lịch sinh thái Định Bình	2.299.395	-
Công trường Đăk Ping	33.724.850	-
<i>Cty CP Du Lịch Hầm Hồ</i>	<i>1.299.995.848</i>	<i>1.256.270.174</i>
Công ty CP Thủy điện Văn Phong	<i>1.980.454</i>	-
Cộng	30.569.355.537	26.852.625.251
5. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH CAVICO Việt Nam (Tạm ứng KLCT Tả Trạch)	(5.590.000.000)	(5.590.000.000)
Cộng	(5.590.000.000)	(5.590.000.000)

(Khoản trích lập dự phòng này là khoản tiền Công ty cổ phần xây dựng 47 tạm ứng cho Công ty TNHH CAVICO Việt Nam theo hợp đồng số 16 HĐ/KHKT ngày 08/7/2008 để thực hiện thi công gói thầu số 20 - Công trình hồ chứa nước Tả Trạch, tỉnh Thừa Thiên Huế. Do không tiếp tục thực hiện được gói thầu này nữa nên Công ty cổ phần Xây dựng 47 yêu cầu Công ty CAVICO hoàn trả tiền đã tạm ứng. Hợp đồng này được Ngân hàng TMCP Quân đội - SGD Hà Nội đồng ý bảo lãnh vô điều kiện theo thư bảo lãnh số 46622/MD0824200004 ngày 29/8/2008. Nhưng Ngân hàng TMCP Quân đội đã chấm dứt nghĩa vụ bảo lãnh kể từ thời điểm Công ty 47 chấp thuận đề nghị của Công ty CAVICO xin trả nợ làm 4 lần theo lãi suất Công ty 47 vay của Ngân hàng BIDV Bình Định, thời hạn chót là 25/3/2012. Tuy nhiên, đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty TNHH CAVICO Việt Nam vẫn chưa thanh toán cho Công ty 47).

6. Hàng tồn kho	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Công ty cp Xây dựng 47</i>	<i>993.816.294.562</i>	<i>956.137.137.461</i>
Nguyên liệu, vật liệu	80.590.942.619	74.851.042.185

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2015
 (tiếp theo)

Công cụ, dụng cụ	170.655.535	202.683.421	
Chi phí SX, KD dở dang	912.596.939.840	880.470.000.000	
Hàng hóa	457.756.568	613.411.855	
<i>Cty CP Du Lịch Hầm Hồ</i>	<i>237.103.467</i>	<i>205.314.590</i>	
Nguyên liệu, vật liệu*	86.421.158	82.222.650	
Công cụ, dụng cụ	21.240.659	6.576.286	
Hàng hóa	129.441.650	116.515.654	
Tổng cộng giá gốc hàng tồn kho	994.053.398.029	956.342.452.051	
7. Chi phí trả trước ngắn hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Công ty CP Xây dựng 47	113.313.141	-	
Cộng	113.313.141	-	
8. Thuế GTGT được khấu trừ	Số cuối kỳ	Số đầu kỳ	
Công ty CP Xây dựng 47		12.599.478.588	
Công ty CP Du lịch Hầm Hồ		-	
Công ty CP Thủy điện Văn Phong		3.659.217.465	
		16.258.696.053	
9. Thuế và các khoản khác phải thu của Nhà nước	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Công ty cp Xây dựng 47			
- Các loại thuế khác phải thu Nhà nước	38.166.827	884.893.980	
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	-	5.666.297	
Cộng	38.166.827	890.560.277	
10. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
Công ty CP Xây dựng 47	25.493.457.820	6.537.037.717	
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	11.119.297	768.662	
Cty CP Thủy điện Văn Phong	299.723.265	268.778.707	
Cộng	25.804.300.382	6.806.585.086	
11. Tài sản cố định hữu hình <Chi tiết tại phụ lục số 01>			
12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình			
	<i>Quyền sử dụng đất</i>	<i>Phần mềm máy vi tính</i>	<i>Tổng cộng</i>
Nguyên giá			
<i>Số dư tại ngày 01/01/2015</i>	<i>17.056.731.017</i>	<i>746.937.273</i>	<i>17.803.668.290</i>
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<i>Số dư tại ngày 30/06/2015</i>	<i>17.056.731.017</i>	<i>746.937.273</i>	<i>17.803.668.290</i>
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>			
<i>Số dư tại ngày 01/01/2015</i>	<i>-</i>	<i>641.937.273</i>	<i>641.937.273</i>

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2015
 (tiếp theo)

Khấu hao trong kỳ	-	30.000.000	30.000.000
Giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư tại ngày 30/06/2015	-	671.937.273	671.937.273
Giá trị còn lại			
Số dư tại ngày 01/01/2015	17.056.731.017	105.000.000	17.161.731.017
Số dư tại ngày 30/06/2015	17.056.731.017	75.000.000	17.131.731.017

Quyền sử dụng đất diện tích 488,5 m² tại địa chỉ 4/7 đường số 3, KP5, phường Hiệp Bình Phước, quận Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh của công ty cp Xây dựng 47 không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

Quyền sử dụng đất tại Tây Phú, Sơn Tây của Công ty cp Du lịch Hầm Hồ không xác định thời hạn nên không trích khấu hao.

13. Chi phí XDCB dở dang	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Xây dựng cơ bản</i>		
Công ty cp Xây dựng 47	72.797.935.486	83.761.288.698
Trụ sở công ty (Số 8 Biên Cương)	72.797.935.486	47.780.580.329
Kho xưởng Phước An	29.710.019.616	25.430.572.669
Nhà hàng Định Bình	5.425.595.356	5.425.595.356
Dự án 105 Tây Sơn	6.763.564.085	4.715.653.083
Khu sinh thái Hồ Định Bình	1.197.673.720	408.887.261
Nhà máy gạch Phước Thành	706.019.315	-
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	22.783.047	-
Cty CP Thủy điện Văn Phong	-	82.119.449.668
Cộng	<u><u>116.623.590.625</u></u>	<u><u>165.880.738.366</u></u>
14. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty CP Thủy điện Buôn Đôn <8% vốn điều lệ>	26.800.000.000	26.800.000.000
Công ty CP Thủy điện Định Bình <16,04% vốn điều lệ>	13.200.000.000	13.200.000.000
Cộng	<u><u>40.000.000.000</u></u>	<u><u>40.000.000.000</u></u>
15. Tài sản dài hạn khác	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ký cược, ký quỹ dài hạn	2.135.697.109	2.324.583.950
Công ty cp Xây dựng 47	1.600.254.713	1.596.859.330
Ký quỹ XNK lao động	1.013.907.582	1.010.512.199
Ký quỹ môi trường	586.347.131	586.347.131
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	535.442.396	727.724.620
Cộng	<u><u>2.135.697.109</u></u>	<u><u>2.324.583.950</u></u>
16. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cp Xây dựng 47	752.037.033.973	658.452.049.234
- Ngân hàng DT&PT Việt Nam - CN Bình Định (*)	751.476.853.800	657.825.869.061

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

(tiếp theo)

- Vay các đối tượng khác	560.180.173	626.180.173
Cộng	752.037.033.973	658.452.049.234
(* Chi tiết các khoản vay Ngân hàng DT&PT Việt Nam - CN Bình Định xem thêm tại Phụ lục số 03)		
17. Phải trả người bán	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cp Xây dựng 47	316.199.458.939	292.041.296.650
Văn phòng Cty	313.883.516.579	281.158.543.446
Khách sạn Hải Âu	1.893.685.243	2.145.160.687
Công trường Bình Đề	72.900.000	129.326.000
Xây dựng khách sạn Hải Âu		26.960.400
Công trường sông Bung 4		307.329.000
Công trường Thượng Kon Tum		7.088.520.000
Công trường Trung Sơn	349.357.117	1.185.457.117
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	96.995.853	103.657.454
Cty CP Thủy điện Văn Phong	3.906.758.455	2.807.323.276
Cộng	320.203.213.247	294.952.277.380
18. Người mua trả tiền trước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cp Xây dựng 47	11.558.505.470	253.248.188.598
Công ty xây dựng thủy lợi 24	127.880.000	127.880.000
Công trình Hà Nhe	1.240.000	1.240.000
Công trình Hồ Định Bình	1.995.714.000	1.129.191.000
Công trình Sông Trầu	96.088.205	96.088.205
Công trình Đắc Pring	3.382.422.000	3.382.422.000
Công trình Krông Buk	19.590.378	37.156.473
Công trình Trung Sơn	32.790.451.053	234.138.413.381
Công trình cửa nhận nước	16.800.000.000	-
Công trình Dương Thiện	2.822.000	2.822.000
Công trình Văn Phong	140.878.000	-
Công trình A Roàng	-	205.559.818
Công trình Sông Bung 2	1.099.961.900	-
Công trình Sông Chu	10.317.665.570	14.127.415.721
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	1.337.000	1.337.000
Cộng	66.776.050.106	253.249.525.598
19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty cp Xây dựng 47	4.984.576.280	6.101.225
Thuế GTGT	3.709.482.079	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.269.792.486	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	5.301.715	6.101.225
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	129.238.984	4.940.197

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

(tiếp theo)

<i>Thuế GTGT</i>	99.974.462	2.940.197
<i>Thuế thu nhập doanh nghiệp</i>	27.264.522	
<i>Các loại thuế khác</i>	2.000.000	2.000.000
Cty CP Thủy điện Văn Phong	11.041.903	-
<i>Thuế GTGT</i>	11.041.903	-
Cộng	5.124.857.167	11.041.422
20. Các khoản phải trả ngắn hạn khác	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty CP Xây dựng 47	40.552.527.372	38.262.222.665
Tài sản thừa chờ xử lý	28.547.065	-
Kinh phí công đoàn	3.959.885.727	3.563.218.727
Bảo hiểm xã hội	3.839.453.126	1.825.753.800
Bảo hiểm y tế	686.928.005	-
Bảo hiểm thất nghiệp	295.668.952	129.127.521
Phải trả về cổ phần hóa	130.705.324	130.705.324
Phải trả khác:	31.611.339.173	32.613.417.293
- Văn phòng cty	7.355.510.934	3.170.766.526
Xây dựng xưởng Phước An	23.190.250	72.600
Khách sạn Hải Âu	-	1.647.937.407
Trung tâm dạy nghề	55.014.600	1.134.900
Công trường Phước Thành	909.000	-
Công trình Sông Chu	6.253.000	804.202.000
- Văn phòng cty (Dự Cố TK 1388)	24.170.461.389	26.989.303.860
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	147.529.300	107.447.500
Cty CP Thủy điện Văn Phong	-	1.604.154
Cộng	40.700.056.672	38.371.274.319
21. Vay và nợ dài hạn	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn	406.214.515.702	405.405.797.348
Công ty CP Xây dựng 47	345.307.700.290	342.268.981.936
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (VND)	345.307.700.290	342.268.981.936
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (USD)	-	-
Cty CP Du Lịch Hầm Hồ	813.032.000	1.043.032.000
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (VND)	813.032.000	1.043.032.000
(HD tín dụng số 01/2012/HĐ ngày 22/10/2012)		
Cty CP Thủy điện Văn Phong	60.093.783.412	62.093.783.412
Ngân hàng BIDV - CN Bình Định (VND) (4)	60.093.783.412	62.093.783.412
Nợ dài hạn	250.000.000.000	250.000.000.000
Công ty CP thủy điện Trung Sơn	250.000.000.000	250.000.000.000
Cộng	656.214.515.702	655.405.797.348

(Chi tiết các khoản vay dài hạn của Công ty cp xây dựng 47 xem thêm tại Phụ lục số 04)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2015
 (tiếp theo)

22. Vốn chủ sở hữu

a Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu <Chi tiết tại phụ lục số 02>

<i>b Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu</i>	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn góp của Nhà nước - TCTĐT&KD vốn NN	-	-
Vốn góp của các cổ đông khác	120.000.000.000	96.000.000.000
Cộng	120.000.000.000	96.000.000.000

c Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, lợi nhuận được chia:

	Năm nay	Năm trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	96.000.000.000	80.000.000.000
Vốn góp tăng trong kỳ	24.000.000.000	-
Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
Vốn góp cuối kỳ	120.000.000.000	80.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	16.000.000.000

Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên của Công ty ngày 19/04/2015, Công ty sẽ thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt.

d Cổ phiếu

	Tại ngày 30/06/2015	Tại ngày 30/06/2014
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành:	12.000.000.000	8.000.000
Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng:	12.000.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông:	12.000.000.000	8.000.000
Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành:	12.000.000.000	8.000.000
Cổ phiếu phổ thông:	12.000.000.000	8.000.000
Cổ phiếu ưu đãi:	-	-
<i>Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/1 cổ phiếu</i>		

e Các quỹ của doanh nghiệp

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Quỹ đầu tư phát triển	37.195.032.674	37.195.032.674
Cộng	37.195.032.674	37.195.032.674

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: đồng

23. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty cổ phần xây dựng 47	653.130.300.793	486.012.330.003
Doanh thu bán hàng	14.404.769.339	3.245.421.230

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2015

(tiếp theo)

<i>Doanh thu thi công xây lắp chính</i>	579.230.593.788	423.787.849.345
<i>Dịch vụ khách sạn du lịch</i>	42.934.504.413	33.661.871.557
<i>Doanh thu nhượng bán vật tư</i>	14.380.935.471	24.476.693.325
<i>Doanh thu cho thuê tài sản</i>	-	-
<i>Doanh thu khác</i>	2.179.497.782	840.494.546
Công ty cổ phần Du lịch Hầm Hồ	2.979.210.196	2.793.265.061
Công ty cổ phần Thủy điện Văn Phong	6.765.862.400	-
Cộng	662.875.373.389	488.805.595.064
24. Các khoản giảm trừ doanh thu	Kỳ này	Kỳ trước
Thuế tiêu thụ đặc biệt của khách sạn Hải Âu	37.171.679	48.117.758
Cộng	37.171.679	48.117.758
25. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty cổ phần xây dựng 47	653.093.129.114	485.964.212.245
<i>Doanh thu bán hàng</i>	14.404.769.339	3.245.421.230
<i>Doanh thu thi công xây lắp chính</i>	579.230.593.788	423.787.849.345
<i>Dịch vụ khách sạn du lịch</i>	42.897.332.734	33.613.753.799
<i>Doanh thu nhượng bán vật tư</i>	14.380.935.471	24.476.693.325
<i>Doanh thu cho thuê tài sản</i>	-	-
<i>Doanh thu khác</i>	2.179.497.782	840.494.546
Công ty cổ phần Du lịch Hầm Hồ	2.979.210.196	2.793.265.061
Công ty cổ phần Thủy điện Văn Phong	6.765.862.400	-
Cộng	662.838.201.710	488.757.477.306
26. Giá vốn bán hàng	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	570.708.708.988	401.865.551.817
<i>Giá vốn bán hàng</i>	5.796.354.237	2.838.844.374
<i>Giá vốn thi công xây lắp chính</i>	520.278.474.610	347.808.166.689
<i>Giá vốn dịch vụ khách sạn du lịch</i>	34.872.743.795	28.909.885.225
<i>Giá vốn nhượng bán vật tư</i>	9.761.136.346	22.294.036.892
<i>Giá vốn bán hàng khác</i>	-	14.618.637
Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hồ	1.957.952.501	1.902.161.481
Công ty cổ phần Thủy điện Văn Phong	3.253.743.858	-
Cộng	575.920.405.347	403.767.713.298
27. Doanh thu hoạt động tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	4.969.323.086	2.981.958.631

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2015
 (tiếp theo)

<i>Cổ tức và lợi nhuận được chia</i>	4.244.000.000	1.452.000.000
<i>Lãi tiền gửi ngân hàng</i>	725.323.086	1.529.084.316
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	-	874.315
Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hô	19.856.144	21.004.119
Công ty cổ phần Thủy điện Văn Phong	7.951.150	
Cộng	4.997.130.380	3.002.962.750
28. Chi phí tài chính	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty Cổ phần Xây dựng 47	52.787.332.553	52.737.842.501
<i>Chi phí lãi vay</i>	48.515.193.339	49.449.271.716
<i>Phí bảo lãnh thực hiện các công trình</i>	4.272.139.214	3.288.570.785
<i>Chênh lệch tỷ giá</i>	-	-
Công ty Cổ phần Du lịch Hầm Hô	52.205.152	68.924.841
Công ty cổ phần Thủy điện Văn Phong	3.518.870.403	
Cộng	56.358.408.108	52.806.767.342
29. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty cổ phần xây dựng 47	21.113.030.586	18.912.805.142
Chi phí nhân viên quản lý	5.828.984.000	4.566.532.000
Chi phí vật liệu quản lý	2.392.870.141	2.069.662.068
Chi phí đồ dùng văn phòng	40.595.452	44.226.361
Chi phí khấu hao TSCĐ	97.400.000	97.400.000
Thuế, phí, lệ phí	111.607.879	78.394.226
Chi phí bằng tiền khác	12.641.573.114	12.056.590.487
Công ty cổ phần Du lịch Hầm Hô	582.719.574	613.146.099
Công ty cổ phần Thủy điện Văn Phong	162.284.656	-
Cộng	21.858.034.816	19.525.951.241
30. Thu nhập khác	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty cổ phần xây dựng 47	431.877.268	17.690.068
Thu tiền bảo hiểm xe	-	17.690.068
Thu nhập khác	431.877.268	-
Cộng	431.877.268	17.690.068
31. Chi phí khác	Kỳ này	Kỳ trước

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2015
 (tiếp theo)

Chi phí khác	16.168.076	59.690.068
Cộng	16.168.076	59.690.068
32. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	Kỳ này	Kỳ trước
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành	2.147.983.822	3.083.166.468
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các kỳ trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành kỳ này.	-	-
33. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố	Kỳ này	Kỳ trước
Công ty CP Xây dựng 47	661.318.543.074	688.200.021.325
Chi phí nguyên vật liệu	289.989.372.637	154.223.154.029
Chi phí nhân công trực tiếp	125.849.231.346	134.331.302.025
Chi phí máy thi công	63.825.494.689	142.044.924.933
Chi phí khấu hao TSCĐ	35.842.716.000	33.350.817.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	116.519.737.190	151.115.425.124
Chi phí khác bằng tiền	29.291.991.212	73.134.398.214
Công ty cổ phần Thủy điện Văn Phong	3.253.743.858	-
Chi phí nhân công trực tiếp	230.972.065	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	2.913.049.324	-
Chi phí khác bằng tiền	109.722.469	-
Cộng	664.572.286.932	688.200.021.325

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Thông tin về các bên liên quan:

Các bên liên quan	Mối quan hệ
Công ty cổ phần Du lịch Hầm Hồ	Công ty con
Công ty cổ phần Thủy điện Văn Phong	Công ty con
Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Công ty liên kết
Công ty cổ phần Thủy điện Định Bình	Công ty liên kết
Ông Nguyễn Lương Am	Chủ tịch Hội đồng quản trị

Các giao dịch của Công ty với các bên liên quan trong kỳ:

Bên liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Số tiền
		Năm nay
Cổ tức và lợi nhuận được chia		
Công ty cổ phần Du lịch Hầm Hồ	Trả cổ tức bằng tiền	175.605.000
Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn	Trả cổ tức bằng tiền	1.340.000.000
Công ty cổ phần Thủy điện Định Bình	Trả cổ tức bằng tiền	2.904.000.000

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2015
(tiếp theo)

Số dư với bên liên quan		Tại ngày 30/06/2015
Các khoản phải thu		
Công ty cổ phần Thủy điện Văn Phong	Phải thu khách hàng	1.112.298.000

2. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính năm 2014 và Báo cáo tài chính 6 tháng năm 2014 của đơn vị đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Ban Tổng Giám đốc khẳng định rằng, Công ty sẽ tiếp tục hoạt động sản xuất kinh doanh trong kỳ hoạt động tiếp theo.

4. Những thông tin khác

4.1. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	11.934.229.486	12.484.518.291
Số bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông	11.573.333	8.000.000
Lãi trên cổ phiếu	1.031	1.561

4.2 Công cụ tài chính

Quản lý rủi ro

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm các khoản nợ, tiền và các khoản tương đương tiền và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối).

Các loại công cụ tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tài sản tài chính	361.344.703.648	437.149.466.898
Tiền và các khoản tương đương tiền	20.047.004.690	112.523.964.469
Phải thu khách hàng và phải thu khác	301.297.698.958	284.625.502.429
Tài sản tài chính khác	40.000.000.000	40.000.000.000
Nợ phải trả tài chính	1.769.154.819.594	1.647.181.398.281
Vay và nợ thuê tài chính ngắn, dài hạn	1.158.251.549.675	1.063.857.846.582
Phải trả khách hàng và phải trả khác	360.903.269.919	333.323.551.699
Công nợ tài chính khác	250.000.000.000	250.000.000.000

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

Rủi ro thị trường

Quản lý rủi ro tỷ giá: rủi ro tỷ giá là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2015
(tiếp theo)

Công ty không có rủi ro tỷ giá do việc mua bán hàng hóa dịch vụ được thực hiện bằng tiền Việt Nam đồng.

Quản lý rủi ro về lãi suất

Rủi ro về lãi suất là rủi ro về giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro về lãi suất là của công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn và các khoản vay. Công ty không có bất kỳ rủi ro lãi suất trọng yếu nào vì Công ty chỉ quan hệ giao dịch truyền thống lâu năm với Ngân hàng BIDV chi nhánh Bình Định và được ngân hàng ưu đãi với mức lãi suất thấp nhất, có lợi nhất cho công ty.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi các khoản phải thu chủ yếu từ khách hàng là Ban quản lý dự án thuộc Ngân sách Nhà nước.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền và các khoản vay nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phát sinh và thời hạn thanh toán như đã thỏa thuận. Công nợ tài chính được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu và ngày đáo hạn hợp đồng theo ngày sớm nhất mà công ty phải trả:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm
Vay ngắn hạn	752.037.033.973	-
Phải trả khách hàng và phải trả khác	360.903.269.919	-
Vay dài hạn	-	406.214.515.702
Công nợ khác	-	250.000.000.000

Ban Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Tài sản đảm bảo:

Trong kỳ Công ty có dùng một số tài sản để thế chấp vay vốn ngân hàng, cụ thể:

- Các khoản vay ngân hàng BIDV - chi nhánh Bình Định ngắn hạn, dài hạn để sử dụng vào việc mua máy móc thiết bị phục vụ thi công và bổ sung vốn lưu động để thực hiện sản xuất kinh doanh. Các khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay, TSCĐ hoặc các khoản phải thu khách hàng tương ứng với số dư nợ tại thời điểm vay.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT 06 THÁNG ĐẦU NĂM 2015 (tiếp theo)

4.3. Một số chỉ tiêu tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	6 tháng đầu năm 2015	6 tháng đầu năm 2014
1. Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu vốn			
1.1. Bố trí cơ cấu tài sản			
- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	%	65,66	71,19
- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	34,34	28,81
1.2. Bố trí cơ cấu vốn			
- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	87,72	90,26
- Vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	12,28	8,54
2. Khả năng thanh toán			
2.1. Khả năng thanh toán tổng quát	lần	1,14	1,11
2.2. Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	lần	1,14	1,22
2.3. Khả năng thanh toán nhanh	lần	0,02	0,02
3. Tỷ suất sinh lời			
3.1 Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Doanh thu	%	2,13	3,20
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu	%	1,80	2,55
3.2 Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
- Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/Tổng tài sản	%	0,65	0,77
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,55	0,62
3.3 Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn CSH	%	9,95	15,61

4.4. Thông tin khác

Quyết toán thuế của công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định của thuế với việc áp dụng các quy định và Chuẩn mực kiểm toán cho các giao dịch tại đơn vị có thể được giải thích theo cách khác nhau. Vì vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể được thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

Quy Nhơn, ngày 10 tháng 08 năm 2015

Công ty Cổ phần Xây dựng 47

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Hồ Đình Phong



Phạm Văn Nho



Nguyễn Lương Am

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất
Cho giai đoạn hoạt động
từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Phụ lục số 01: Tình hình tăng giảm TSCĐ hữu hình hợp nhất

Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	TSCĐ khác	Cộng
I. Nguyên giá TSCĐ						
1. Số dư tại ngày 01/01/2014	77.607.673.749	594.164.958.520	215.084.931.405	12.973.715.398	3.570.367.957	903.401.647.029
2. Số tăng trong kỳ	71.044.151.711	73.784.594.636	8.740.929.283	-	-	153.569.675.630
- Mua sắm mới	-	73.784.594.636	8.740.929.283	-	-	82.525.523.919
- Xây dựng mới	71.044.151.711	-	-	-	-	71.044.151.711
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Số giảm trong kỳ	41.627.934	40.000.000	-	13.554.500	47.637.070	142.819.504
- Thanh lý	41.627.934	40.000.000	-	13.554.500	47.637.070	142.819.504
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư tại ngày 30/06/2014	148.610.197.526	667.909.553.156	223.825.860.688	12.960.160.898	3.522.730.887	1.056.828.503.155
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
1. Số dư tại ngày 01/01/2014	15.515.676.246	305.154.895.223	120.084.714.331	8.538.990.156	1.132.057.667	450.426.333.623
2. Khấu hao trong kỳ	1.680.831.978	27.123.364.114	9.643.790.860	513.323.146	119.797.699	39.081.107.797
- Trích trong kỳ	1.680.831.978	27.123.364.114	9.643.790.860	513.323.146	119.797.699	39.081.107.797
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-
3. Giảm trong kỳ	39.721.000	40.000.000	-	38.253.070	-	117.974.070
- Thanh lý	39.721.000	40.000.000	-	38.253.070	-	117.974.070
- Giảm khác	-	-	-	-	-	-
4. Số dư tại ngày 30/06/2014	17.156.787.224	332.238.259.337	129.728.505.191	9.014.060.232	1.251.855.366	489.389.467.350
III. Giá trị còn lại						
1. Tại ngày 01/01/2014	62.091.997.503	289.010.063.297	95.000.217.074	4.434.725.242	2.438.310.290	452.975.313.406
2. Tại ngày 30/06/2014	131.453.410.302	335.671.293.819	94.097.355.497	3.946.100.666	2.270.875.521	567.439.035.805

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG 47

Địa chỉ: Số 8, Biên Cương, Thành phố Quy Nhơn, tỉnh Bình Định
Điện thoại: 056 3522166 Fax: 056 3522316

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

Cho giai đoạn hoạt động
từ 01/01/2015 đến 30/06/2015

Phụ lục số 02: Tình hình tăng giảm Vốn chủ sở hữu

Nội dung	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác thuộc CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Năm trước								
1. Số dư đầu năm	80.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	22.414.583.606	7.307.559.247	135.355.090	16.232.588.217	160.006.883.137
- Tăng vốn trong năm trước	16.000.000.000	-	-	-	-	-	-	16.000.000.000
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	30.881.834.692	30.881.834.692
- Trích lập các quỹ	-	-	-	5.942.737.726	1.530.152.095	31.201.518	-	7.504.091.339
- Tăng khác	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-	-	-
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	16.000.000.000
- Giảm khác:	-	-	-	-	-	-	-	9.269.995.962
2. Số dư cuối năm	96.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	28.357.321.332	8.837.711.342	166.556.608	21.844.426.947	189.122.813.206
Kỳ này								
1. Số dư ngày 01/01/2015	96.000.000.000	23.467.650.000	10.449.146.977	37.195.032.674	-	166.556.608	21.844.426.947	189.122.813.206
- Tăng vốn trong kỳ này	24.000.000.000	6.723.151.117	-	-	-	-	-	30.723.151.117
- Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	-	12.141.814.189	12.141.814.189
- Trích lập các quỹ	-	-	-	-	-	-	-	-
- Tăng khác	-	-	-	-	-	94.573.203	75.713.128	170.286.331
- Chia cổ tức	-	-	-	-	-	-	-	-
- Giảm khác:	-	-	-	-	-	61.757.200	320.140.075	381.897.275
+ Trích lập quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Trích lập quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	-	-	-	-
+ Giảm khác	-	-	-	-	-	-	60.786.477	60.786.477
2. Số dư ngày 30/6/2014	120.000.000.000	30.190.801.117	10.449.146.977	37.195.032.674	-	199.372.611	33.681.027.712	231.715.381.091

Ghi chú: Nguồn vốn chủ sở hữu số cuối kỳ chênh lệch giữa Thuyết minh với Bảng cân đối kế toán, số đầu kỳ, số tiền là 34.267.305.319 đồng do thay đổi khoản mục (Lợi ích của cổ đông thiểu số không kiểm soát) trình bày trên Bảng cân đối kế toán.

Phụ lục số 03:

Bảng kê chi tiết vay ngắn hạn Ngân hàng BIDV Bình Định của Công ty cp Xây dựng 47

Đơn vị tính: đồng

Stt	Số kế ước	Loại tiền tệ	Số dư tiền vay (đồng)	Lãi suất (%/năm)	Ngày vay	Ngày trả
1.	58082000536122	VND	15.000.000.000	8,50%	21-10-2014	21-09-2015
2.	58082000536858	VND	11.853.156.415	8,50%	23-10-2014	23-09-2015
3.	58082000536618	VND	10.930.083.927	8,50%	22-10-2014	22-09-2015
4.	58082000537930	VND	15.756.665.740	8,50%	29-10-2014	29-09-2015
5.	58082000538678	VND	10.279.500.000	8,50%	03-11-2014	05-10-2015
6.	58082000539963	VND	7.425.535.946	8,50%	10-11-2014	12-10-2015
7.	58082000538915	VND	10.383.786.563	8,50%	04-11-2014	05-10-2015
8.	58082000543140	VND	5.363.371.315	8,50%	28-11-2014	28-10-2015
9.	58082000543380	VND	9.767.755.792	8,50%	28-11-2014	28-10-2015
10.	58082000543733	VND	17.705.065.676	8,50%	02-12-2014	02-11-2015
11.	58082000544693	VND	11.219.588.700	8,50%	08-12-2014	09-11-2015
12.	58082000545128	VND	11.708.399.279	8,50%	09-12-2014	09-11-2015
13.	58082000546316	VND	4.398.859.400	8,50%	17-12-2014	17-11-2015
14.	58082000546990	VND	13.201.618.857	8,50%	22-12-2014	23-11-2015
15.	58082000547416	VND	23.136.757.201	8,50%	24-12-2014	24-11-2015
16.	58082000547586	VND	7.752.567.600	8,50%	25-12-2014	25-11-2015
17.	58082000547878	VND	9.815.406.577	8,50%	26-12-2014	26-11-2015
18.	58082000548525	VND	3.715.847.242	8,50%	29-12-2014	30-11-2015
19.	58082000548534	VND	9.066.017.734	8,50%	29-12-2014	30-11-2015
20.	58082000546635	VND	13.737.582.020	8,50%	19-12-2014	19-11-2015
21.	58082000549324	VND	9.002.418.143	8,50%	05-01-2015	07-12-2015
22.	58082000549333	VND	11.137.398.020	8,50%	05-01-2015	07-12-2015
23.	58082000549573	VND	10.319.634.651	8,50%	06-01-2015	07-12-2015
24.	58082000549582	VND	13.136.377.725	8,50%	06-01-2015	07-12-2015
25.	58082000549847	VND	2.000.000.000	8,50%	08-01-2015	08-12-2015
26.	58082000551745	VND	7.135.934.903	8,50%	20-01-2015	21-12-2015
27.	58082000552234	VND	11.293.099.400	8,50%	22-01-2015	22-12-2015
28.	58082000551037	VND	12.632.000.316	8,50%	16-01-2015	16-12-2015
29.	58082000552702	VND	10.358.475.716	8,50%	27-01-2015	28-12-2015
30.	58082000553370	VND	6.389.240.894	8,50%	29-01-2015	29-12-2015
31.	58082000553936	VND	13.444.069.420	9,00%	03-02-2015	04-01-2016
32.	58082000554522	VND	18.977.649.934	8,50%	06-02-2015	06-01-2016
33.	58082000554805	VND	7.359.725.288	8,50%	09-02-2015	11-01-2016
34.	58082000554814	VND	12.929.339.779	8,50%	09-02-2015	11-01-2016
35.	58082000555774	VND	15.855.711.381	8,50%	12-02-2015	12-01-2016
36.	58082000556351	VND	9.097.853.988	8,50%	13-02-2015	13-01-2016
37.	58082000556360	VND	12.653.850.000	8,50%	13-02-2015	13-01-2016
38.	58082000556379	VND	11.173.515.000	8,50%	13-02-2015	13-01-2016
39.	58082000556555	VND	17.512.609.237	8,50%	14-02-2015	14-01-2016

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)

Phụ lục số 03:

Bảng kê chi tiết vay ngắn hạn Ngân hàng BIDV Bình Định của Công ty cp Xây dựng 47

40.	58082000556564	VND	11.000.000.000	8,50%	14-02-2015	14-01-2016
41.	58082000555525	VND	15.018.087.998	8,50%	11-02-2015	11-01-2016
42.	58082000559332	VND	3.846.868.165	8,50%	17-03-2015	17-02-2016
43.	58082000560820	VND	9.939.299.638	8,50%	25-03-2015	25-02-2016
44.	58082000561018	VND	18.021.601.076	8,50%	25-03-2015	25-02-2016
45.	58082000562181	VND	4.012.269.510	8,50%	31-03-2015	29-02-2016
46.	58082000564840	VND	8.916.428.921	8,50%	15-04-2015	15-03-2016
47.	58082000565083	VND	13.890.847.574	8,50%	17-04-2015	17-03-2016
48.	58082000565311	VND	6.140.499.157	8,50%	17-04-2015	17-03-2016
49.	58082000565755	VND	6.454.319.706	8,50%	21-04-2015	21-03-2016
50.	58082000566767	VND	11.481.533.850	8,50%	27-04-2015	28-03-2016
51.	58082000566776	VND	10.000.000.000	8,50%	27-04-2015	28-03-2016
52.	58082000566794	VND	6.692.107.981	8,50%	27-04-2015	28-03-2016
53.	58082000567335	VND	10.135.137.195	8,50%	05-05-2015	05-04-2016
54.	58082000567830	VND	2.269.175.040	8,50%	07-05-2015	07-04-2016
55.	58082000569739	VND	10.000.000.000	8,50%	19-05-2015	19-04-2016
56.	58082000569182	VND	11.340.950.589	8,50%	15-05-2015	15-04-2016
57.	58082000569191	VND	7.787.910.303	8,50%	15-05-2015	15-04-2016
58.	58082000569863	VND	15.531.998.400	8,50%	20-05-2015	20-04-2016
59.	58082000569988	VND	12.260.000.000	8,50%	20-05-2015	20-04-2016
60.	58082000570333	VND	17.713.475.975	8,50%	22-05-2015	22-04-2016
61.	58082000570500	VND	5.070.975.400	8,50%	22-05-2015	22-04-2016
62.	58082000570722	VND	5.000.000.000	8,50%	25-05-2015	25-04-2016
63.	58082000570227	VND	10.942.834.782	8,50%	21-05-2015	21-04-2016
64.	58082000571293	VND	10.114.077.340	8,50%	27-05-2015	27-04-2016
65.	58082000571309	VND	10.704.409.300	8,50%	27-05-2015	27-04-2016
66.	58082000571488	VND	8.234.449.857	8,50%	28-05-2015	28-04-2016
67.	58082000572579	VND	7.954.276.858	8,50%	04-06-2015	04-05-2016
68.	58082000573572	VND	7.573.409.474	8,50%	11-06-2015	11-05-2016
69.	58082000575055	VND	19.553.766.540	8,50%	19-06-2015	19-05-2016
70.	58082000575736	VND	12.531.277.965	8,50%	24-06-2015	24-05-2016
71.	58082000575338	VND	6.718.395.427	8,50%	22-06-2015	23-05-2016
	Tổng Cộng		751.476.853.800			

Phụ lục số 05:**CÁC KHOẢN VAY TRUNG VÀ DÀI HẠN**

Bảng kê chi tiết các khoản vay dài hạn Ngân hàng BIDV Bình Định của Công ty cổ phần Xây dựng 47

Stt	Số kế ước	Số dư tiền vay	Lãi suất (%/năm)	Ngày vay	Ngày trả
1	58082000304444	30.326.416.660	11,00%	04-03-2011	04-09-2016
2	58082000407422	3.300.000.000	11,00%	25-09-2012	25-01-2016
3	58082000439647	118.813.162.717	11,00%	05-04-2013	05-04-2018
4	58082000479980	148.000.000.000	11,00%	19-11-2013	19-11-2018
5	58082000524969	44.868.120.913	11,00%	15-08-2014	15-08-2022
Tổng Cộng		345.307.700.290			

Ghi chú:

(1). Khoản vay 30.326.416.660 đồng, vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Bình Định theo Hợp đồng tín dụng số 01/2011/HĐ ngày 11 tháng 02 năm 2011. Theo đó: thời hạn vay là 66 tháng kể từ ngày Bên vay rút khoản vốn đầu tiên, lãi suất áp dụng cho khoản vay này là lãi suất thả nổi được điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo nguyên tắc bằng lãi suất tiết kiệm trả sau 12 tháng cộng chi phí biên 3,5%/ năm nhưng không cao hơn lãi suất cho vay tối đa và không nhỏ hơn lãi suất cho vay tối thiểu do ngân hàng thông báo tại thời điểm điều chỉnh. Tài sản đảm bảo cho khoản vay này là tài sản được hình thành từ vốn vay theo hợp đồng đảm bảo tiền vay theo quy định của phía Ngân hàng.

(3). Khoản vay của Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Bình Định, số tiền 118.813.162.717 đồng, căn cứ Hợp đồng tín dụng 01/2013/HĐ ngày 29/03/2013. Theo đó, thời hạn vay là 40 tháng kể từ ngày rút khoản vốn đầu tiên, lãi suất trong hạn điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo nguyên tắc bằng lãi suất tiết kiệm trả sau 12 tháng cộng chi phí biên 3,5%/ năm nhưng không cao hơn lãi suất cho vay tối đa và không nhỏ hơn lãi suất cho vay tối thiểu do ngân hàng thông báo tại thời điểm điều chỉnh. Khoản vay dùng để thực hiện dự án đầu tư thiết bị phục vụ thi công Công trình thủy lợi Tân Mỹ.

(4). Khoản vay của ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Bình Định, số tiền 148.000.000.000 đồng, căn cứ Hợp đồng tín dụng số 02/2013/HĐTD- C47 ngày 12/11/2013. Theo đó, thời hạn vay trong vòng 60 tháng, lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất thả nổi, được điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo nguyên tắc bằng lãi suất tiết kiệm trả sau 12 tháng cộng chi phí biên 4%/ năm nhưng không cao hơn lãi suất cho vay tối đa và không nhỏ hơn lãi suất cho vay tối thiểu do ngân hàng thông báo tại thời điểm điều chỉnh. Khoản vay này để bù đắp nguồn vốn ngắn hạn đã đầu tư vào dài hạn để cơ cấu tài chính cho doanh nghiệp. Tài sản thế chấp cầm cố cho khoản vay này là tài sản được hình thành từ vốn vay theo quy định của Ngân hàng.

(5). Khoản vay của ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam, chi nhánh Bình Định, số tiền 48.868.120.913 đồng, căn cứ Hợp đồng tín dụng số 02/2014/300495/HĐTD ngày 31/07/2014. Theo đó, thời hạn vay trong vòng 60 tháng, lãi suất cho vay được áp dụng theo lãi suất thả nổi, được điều chỉnh 3 tháng 1 lần theo nguyên tắc bằng lãi suất tiết kiệm trả sau 12 tháng cộng chi phí biên 4%/ năm nhưng không cao hơn lãi suất cho vay tối đa và không nhỏ hơn lãi suất cho vay tối thiểu do ngân hàng thông báo tại thời điểm điều chỉnh. Tài sản thế chấp cầm cố cho khoản vay này là tài sản được hình thành sau đầu tư từ vốn vay và vốn tự có của Dự án đầu tư Trụ sở Văn Phòng của Công ty.

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính)